

Nét đặc sắc của những bài thơ Nôm sưu tầm tại Tiền Giang

Nguyễn Đông Triều

TRONG MỘT ĐỢT ĐI SƯU TẦM DI SẢN HÁN NÔM TẠI HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG VÀO THỜI GIAN GẦN ĐÂY, TẠI NHÀ CỤ ĐỒ NGUYỄN TÔNG MẬU Ở VEN SÔNG CÁI CỎI, XÃ AN HỮU, ĐỐI DIỆN ĐÌNH THÂN AN HỮU (ĐÌNH RACH CHANH), CHÚNG TÔI ĐÃ PHÁT HIỆN VÀ SAO CHỤP ĐƯỢC MỘT TUYỂN TẬP HÁN NÔM QUÝ. TUYỂN TẬP NÀY GỒM NHIỀU TÁC PHẨM RẤT ĐA DẠNG VỀ THỂ LOẠI, PHONG PHÚ VỀ NỘI DUNG.

Tập sách không ghi tiêu đề, tên người tuyển soạn và niên đại. Tổng cộng 210 trang giấy dó, mỗi trang 8 cột, số chữ mỗi cột nhiều ít không đều, nhìn chung khoảng từ mười mấy chữ tới 30 chữ, với 291 đơn vị tác phẩm. Văn tự được sử dụng là chữ Hán và chữ Nôm, trong đó chữ Nôm là chủ yếu. Chúng tôi thống kê và định lượng được 31 đơn vị tác phẩm chữ Hán và 260 đơn vị tác phẩm chữ Nôm. Trong 31 tác phẩm chữ Hán chỉ có duy nhất 1 bài thơ là 尚書阮思憫題發艷孝山詩 *Thượng thư Nguyễn Tư Giản đề Phát Diệm Hiếu Sơn thi* = Bài thơ Thượng thư Nguyễn Tư Giản đề trên núi Hiếu Sơn ở Phát Diệm (thuộc huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình)⁽¹⁾, còn lại là câu đối.

Do không tìm thấy tên người tuyển soạn và niên đại nên chúng tôi đã tiến hành đoán định niên đại của tập sách dựa vào các sự kiện, nhân vật được nhắc đến trong đó. Các nhân vật được nhắc đến qua những câu đối viếng hoặc các bài điệu văn tại đám tang: sớm nhất là Nguyễn Khuyến (1835-1909), muộn nhất là Phạm Quỳnh (1892-1945); Những tờ báo: sớm nhất là *Đông Dương tạp chí* (1913-1919), muộn nhất là *Tiếng dân* (1927-1943); Một số niên đại: tờ biểu của báo quán Chúc Đức viết năm “Khải Định tứ niên” 1919, các câu đối viết vào năm “Bảo Đại Bình

Dân nguyên niên” 1926...; Kỵ húy: chữ 時 được viết là 辰 kỵ húy vua Tự Đức (1829-1883) triều đại nhà Nguyễn; Chữ Quốc ngữ: trong tập sách có những chỗ sử dụng chữ Quốc ngữ để chú âm bên cạnh chữ Nôm khó đọc (như “nhoet nhoè” 悅齋, “dâm diã” 淋洩, “rườm” 靈) giúp tiện lợi hơn cho người đọc, lại cũng có chỗ tác giả viết hẳn bằng chữ Quốc ngữ thay cho chữ Nôm (như “sự sùi” trong bài *Viếng bạn* hay “rác rãnh” trong bài *Khóc bạn*). Điều này cho thấy thời điểm biên soạn sách là thời điểm chữ Quốc ngữ đã rất thông dụng. Đặt trong mối tương quan với lịch sử hình thành và phát triển của chữ Quốc ngữ cùng những hiện tượng, sự kiện, nhân vật nêu trên, có thể suy đoán tập sách được soạn từ khoảng nửa đầu thế kỷ XX đến thời điểm muộn nhất có thể là năm 1945 vì còn kỵ húy vua nhà Nguyễn.

Trong số tác phẩm văn chương thì thơ là bộ phận chiếm đa số và có nhiều điểm đặc sắc về nội dung, nghệ thuật. Thơ Nôm trong tập sách được viết theo nhiều thể tài: thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, song thất lục bát, lục bát, ngũ ngôn, thơ tự do; với nhiều hình thức: liên hoàn điệu, di đề vi vãn, họa vãn... Có thể nói, hầu hết các hình thức thể loại thơ ca cổ điển Việt Nam đều được vận dụng triệt để trong tập sách này. Đề tài của thơ cũng đa dạng: vịnh cảnh (*Cảnh Hồ*

Tây bên thành Hà Nội, Hoa nguyệt ngầu thành,
Vịnh Tam Điệp ải thi, Vịnh Chùa Trám, Kiếm Hồ
hoài cổ, Xuân tân, Đưa xuân, Vào hạ, Thu tiêu
cảm tác...), vịnh nhân vật lịch sử (Thơ Hai Bà
Trung, Mị Ê, Bà Triệu Âu, Lý Chiêu Hoàng...), tự
tình (Bài thơ tự tình, Nỗi mình, Khi phụ tự thân,
Thơ tình...), tổng tiền (Tiền biệt, Biệt bạn ra về,
Họa thơ tiền biệt, Từ biệt thi...). Ngoài ra còn có
những bài thơ xướng họa (Họa thơ đi rừng), thơ
ca ngợi lối sống lối lạc, thanh cao (Tặng đình chủ
thi nhất khúc).

Nội dung thơ cũng khá phong phú. Có những
nội dung quen thuộc của thơ ca trung đại như ca
ngợi cảnh đẹp non sông đất nước, ca ngợi nhân
vật lịch sử, nêu cao lòng yêu nước, lòng tự hào
dân tộc; có những nội dung mới, bắt nhịp với thời
đại mới như chúc mừng sự kiện báo Nam phong
tạp chí tròn một năm, bày tỏ tâm trạng trước
sự biến động của thời cuộc... Cũng có những nội
dung liên quan đến đời sống cá nhân như nói về
tình yêu, tình bạn, mừng thọ... Đôi khi những
nội dung trên đan lồng vào nhau tạo nên một bức
tranh thực tại tổng thể, sinh động, hài hòa⁽²⁾.

Sau đây chúng tôi giới thiệu và có lời bàn về
10 bài thơ Nôm thuộc 4 chủ đề tiêu biểu được
chọn ra từ tuyển tập này.

1. Vịnh tả nữ kiệt đời xưa

Bài 1. Thơ Hai Bà Trưng (Vô Khắc Tiệp)

Hận đưa tham tàn quấy nước ta,
Xếp nghề kim chỉ, cử can qua.
Ra tay thao lược em cùng chị,
Rửa mặt giang sơn nước với nhà.
Lăng Bạc ba thu lòng khái cảm.
Hát Môn ngàn thuở khách hương hoa⁽³⁾.
Được thua ấy bởi lòng con tạo,
Quốc thước ra gì tướng Phục Ba!

Bài 2. Bà Triệu Âu (Vô Khắc Tiệp)

Nữ kiệt ngàn xưa dễ mấy ai,
Nổi chân Trưng thị một bà thời!
Cờ đào hiệu lệnh quân đàn qua,
Yếm thắm tung hoành trận thế voi.
Gan sắt đường bao âu có một,
Cột đồng những muốn chặt làm đôi.
Dấu thơm Lệ Hải⁽⁴⁾ còn ghi đó,
Lưu để làm gương bạn gái soi.

Lời bàn: Thơ vịnh sử nói chung và vịnh nhân
vật lịch sử nói riêng trong tập sách có điểm đặc
biệt là chú ý nhiều đến nữ giới. Từ người Việt Nam
như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Chiêu Hoàng,
Phan Thị Thuần đến người nước ngoài như Mị
Ê (Chiêm Thành) đều được nhắc đến với những
lời thơ chân thật và trang trọng. Đáng nói hơn
là vịnh Hai Bà Trưng có đến 3 bài (Thơ Hai Bà
Trung, Trưng Vương, Vịnh bà Trưng Nữ Vương),
vịnh Bà Triệu có 2 bài (Bà Triệu Âu, Triệu Âu), ở
trên chúng tôi chỉ giới thiệu mỗi người 1 bài tiêu

biểu của tác giả Vô Khắc Tiệp. Việc nhắc nhiều
đến các nhân vật này một mặt ca ngợi tinh thần
yêu nước và chiến tích của họ, cho thấy tấm lòng
trân trọng của tác giả dành cho các nữ anh hùng
chống giặc giữ nước, mặt khác cũng thể hiện lòng
tự hào về đất nước, tổ tiên, về những tấm gương
hi sinh vì nước, lấy đó làm động lực phấn đấu cho
nữ giới nói riêng, cho chính mình và các thế hệ
mai sau nói chung.

2. Vịnh tả cảnh xuân

Bài 3. Hoa xuân thi

Hớn hở hoa xuân mím miệng cười,
Muôn hồng ngàn tia vẽ đua tươi.
Hải đường phảng phất năm canh nguyệt,
Đan quế thơm tho bốn góc trời.
Đào lý đơm bông, mai tuyết điểm,
Huệ lan hé nhụy, cúc sương phơi.
Chơi hoa mấy kẻ yêu hoa nhỉ?
Hương cũng chơi mà sắc cũng chơi.

Bài 4. Đưa xuân

Ta bèn⁽⁵⁾ xuân mà xuân nữ đi,

Bài Bà
Triệu
Âu



Bài
Hai
Bà
Triệu

景越副尚 柔鳥征隻淋味壽徒跑旁饒細嶺薇花用落溪之瀉燥茶印瘡發
破寧峯曉附故即餘深渚聰冠平原崗崑咀吮清溪空氣平欺衡斌
斌寧腰輪武克使

Bài Cảnh đi
chơi núi

Tình này cảnh ấy phụ nhau chi.
Tìm hoa ngơ ngác con hồ điệp,
Nhớ cảnh buồn tênh cái họa mi.
Gió thổi cành rung kêu lác cắc,
Hoa rơi nước chảy chậm li rì.
Chén mừng hẹn với đông quân⁽⁶⁾ nhè,
Xin đợi năm sau chờ lỗi kỳ.

BÀI 5. Xuân tàn

Một năm thời tiết đổi,
Buồn nhất lúc xuân tàn.
Buổi sớm oanh rầu rĩ,
Bữa khuya cuộc thở than.
Vườn đào thừa cuộc rượu,
Hiên trúc vắng cung đàn.
Lắm kẻ duyên khô lạt,
Sầu xuân lệ chứa chan.

Lời bàn: Cảnh sắc bốn mùa luôn là một trong những đề tài lớn của văn học Việt Nam. Từ xưa đến nay hầu như không văn nhân thi sĩ nào

旅遠感興 批處 颯 零 熾 終 沒 舍 挽 扣 曉 塘 餘 曉 楊 粉 梓 層 日 遲 隔 惜 柳 桑
蓮 塔 塔 坡 淹 怒 頭 驚 坤 吞 納 尚 其 跡 驪 憐 奔 波 連 鞍 標 景 澄 青 碧 愜 饒 他
卿 收 饒 如

Bài Lữ du
cảm hứng

旅 依 提 哨 哭 蜀 吟 少 饒 之 風 塵 曾 君 栖 男 兒 曉 肢 添 儼 身 沉 落 標 尚 讓 桃 梅 別
離 磯 臨 水 傾 嘉 感 景 校 綽 吊 噴 啞 相 知 更 屬 我 蛟 坤 成 夢 永 永 聰 腫 婦 哭 友

Bài Lữ hoài

không có lúc đắm mình vào thiên nhiên thực tại để tái tạo thiên nhiên qua ngòi bút cá nhân. Các tác giả khuyết danh trong tập sách cũng lấy thiên nhiên làm đối tượng miêu tả, đồng thời vận dụng nó thành chất liệu bày tỏ tâm tình. Xuân hạ thu đông mỗi mùa đều có sức hấp dẫn riêng, nhưng có thể nói mùa xuân là mùa quyến rũ nhất. Thơ xuân ở đây được miêu tả rất đẹp, đẹp từ lúc xuân vừa sang, với muôn hồng nghìn tía mím môi cười, đến lúc xuân sắp tàn vẫn đẹp, với vẻ đẹp của cái ngóng chờ mùa xuân sau sẽ tới. Tuy nhiên, bên cạnh miêu tả vẻ đẹp mùa xuân, tác giả dường như cũng muốn bày tỏ thái độ phê phán những kẻ thô tục mà cố tỏ vẻ thanh cao, hoặc những kẻ quen thói vui hoa dập liễu, và phảng phất bên trong bài thơ còn là nỗi buồn thâm kín về cái hữu hạn, về tuổi già của con người trước cái trôi vụt phủ phàng của thời gian.

3. Vịnh tả tình cảnh vân du

Bài 6. Lữ hoài (Võ Khắc Tiệp)

Tiếng khóc câu cười thiếu nỗi chi,
Phong trần từng sém mặt nam nhi.
Trông trăng thêm tủi thân lưu lạc,
Ngắm núi dường khêu mối biệt ly.
Chén rượu băng khuâng lòng cảm cảnh,
Phím đàn giéo rất giọng tương tri.
Canh khuya giấc bướm khôn thành mộng,
Văng vẳng tai nghe để khóc dai.

Bài 7. Lữ du cảm hứng (Võ Khắc Tiệp)

Gió thổi đều hiu bóng xế tà,
Một mình buông khấu⁽⁷⁾ quang đường xa.
Trông vai phần tử⁽⁸⁾ tầng mây cách,
Thẹn mặt tang bồng bụi cát pha.
Sông nọ chân cò khôn lặn lội,
Núi kia vó kỵ⁽⁹⁾ mắng bôn ba.
Trên yên ngắm cảnh chừng xanh biếc,
Buồn nỗi tha hương nhớ nỗi nhà.

BÀI 8. Cảnh đi chơi núi (Võ Khắc Tiệp)

Văng ô chênh chếch lạt mùi son,
Dạo bước cùng nhau tới đỉnh non.
Hoa rụng đầy khe, khe róc rách,
Rêu in ngần đá, đá chon von.
Trông về cố quận xa thăm thẳm,
Nhìn xuống bình nguyên bé cùn con.
Thở hút chưa chan không khí tốt,
Khi về vặc vặc bóng trăng tròn.

Lời bàn: Nam nhi là phái phong trần. Tam nguyên Trần Bích San (1840-1877) từng nói: “Văn phi sơn thủy vô kỳ khí, Nhân bất phong sương vị lão tài” (*Quá Hải Vân sơn*), nghĩa là văn chương không có cảnh núi sông thì không thể hiện được phong thái kỳ lạ, con người không trải sương gió thì tài năng không được trau dồi. Phải là những người có chí hướng, có lý tưởng

mới có thể tạo ra những vần thơ như vậy. Qua ba bài thơ trên, tác giả Võ Khắc Tiếp tuy chưa nói rõ hoài bão của mình, nhưng cũng ít nhiều thể hiện sự đương đầu “phong trần từng sém mặt nam nhi”, hơn nữa kết hợp với ý thơ hào hùng và giọng điệu ngợi ca, tự hào trong hai bài thơ vịnh nhân vật lịch sử nói trên của cùng tác giả, càng cho thấy đây không chỉ là cuộc ra đi bình thường hay ngẫu hứng. Đương nhiên tác giả cũng có nỗi niềm tư hương, nỗi buồn lưu lạc và những phút giây trầm lặng một mình trước cảnh tha phương, có khi chỉ biết làm bạn cùng phím đàn tiếng đế chung rượu, nhưng không vì thế mà bỏ lỡ hành trình. Vẫn có tín hiệu lạc quan khi cuối cùng cũng có bạn đồng hành chứ không hoàn toàn đơn độc, và hình ảnh “thờ hút chứa chan không khí tốt” chính là sự tiếp sức cho bước đường tương lai. Phải có những cuộc “ra đi” mới tìm được những khoảng không gian mới mẻ, rộng mở, để có đủ tâm nhìn và có chỗ thi thố tài năng.

4. *Vịnh tả di tích*

Bài 9. *Vịnh Chùa Trăm*

Bầu trời cảnh bụi lấm nơi xinh,
Nhưng chẳng như đây thú hữu tình.
Hổ phục gây nên nền hiển hách,
Rồng châu truyền lại vết anh linh⁽¹⁰⁾.
Phật nghe cảnh tịnh toan hành đạo,
Chúa thấy hang sâu muốn ẩn mình.
Tao khách⁽¹¹⁾ đã ai qua đây chứa?
Đường về lẩn khuất dãy non xanh.

Bài 10. *Kiểm Hồ hoài cổ*

Triều Lê thanh kiếm mất hơi tâm,
Chẳng biết kim quy⁽¹²⁾ lặn mấy tâm.
Hồ cũ vẫn còn in nước cũ,
Người xưa xa cách mấy trăm năm.

Bài *Kiểm hồ hoài cổ* có ghi tên tác giả là “Quyên Thủy Trần Văn Cừ”. Ngay sau bài này có chép bài họa vận của Phạm Vũ Toàn như sau:

Rùa thiêng ta muốn hỏi hơi tâm,
Chùa đã bao lâu tháp mấy tâm?
Ngô⁽¹³⁾ vẫn chưa bình gương đã trả,
Sao không để lại ít nhiều năm?

Lời bàn: Di tích là những nơi gắn liền với lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng tâm linh và sinh hoạt cộng đồng của con người từ xưa đến nay. Thơ vịnh tả di tích trong tập sách phần lớn không ghi tên tác giả, nhưng đều chuyển tải những nội dung cụ thể, rõ ràng và tư tưởng lớn lao. Có thể kể đến những bài *Vịnh chùa Trăm*, *Kiểm Hồ hoài cổ*, *Lên lầu Trần Vũ hoài cổ*, *Chơi chùa Hương Tích ngâm đề*, *Trẩy chùa Hương*. Tiêu biểu như bài *Vịnh Chùa Trăm* bên cạnh ngợi ca vẻ đẹp hữu tình, thanh tịnh của bầu trời cảnh bụi, còn là lời ngợi ca đầy tự hào miền đất hổ phục rồng châu, địa linh nhân kiệt

đã góp phần tạo ra những bậc anh tài có nhiều đóng góp vào công cuộc đấu tranh chống giặc và dựng xây nền văn hiến. Với hai bài xướng họa *Kiểm Hồ hoài cổ* (riêng hai bài này có ghi tên tác giả), nếu bài xướng là tiếng lòng gọi nhớ đến công tích người xưa thì bài họa nhân đó mà nói lên nỗi lòng xót xa trước cảnh đất nước một lần nữa bị nạn ngoại xâm, đồng thời nói lên ước muốn có được thanh gươm thần để đánh đuổi quân xâm lược. Có điểm chung là các di tích được miêu tả đều ở miền Bắc, nhưng đó cũng là biểu tượng của cả Việt Nam. Di tích nào trên đất nước ta cũng đều mang những giá

Bài Hoa
xuân thi



Bài Đưa xuân

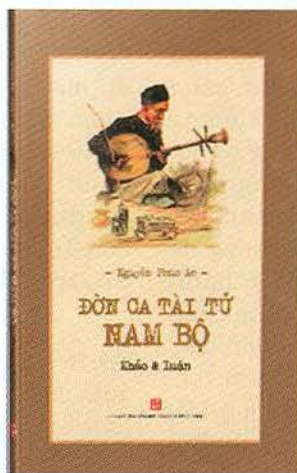


Bài Xuân tàn



Đờn ca tài tử Nam bộ - khảo và luận

Sách của Nguyễn Phúc An, vừa do Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành trong Quý I/ 2019, dày đến 400 trang khổ 16 x 24cm. Đây là một công trình tổng hợp có tính tập đại thành về Đờn ca tài tử Nam Bộ, một loại hình nghệ thuật diễn xướng độc đáo biểu trưng cho văn hóa âm nhạc miền Nam ra đời cách nay ngót một trăm năm, và tháng 12-2013 đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới.



Bao gồm 6 chương: (1) Khảo về nguồn gốc đờn ca tài tử; (2) Hình thức và đối tượng của đờn ca tài tử; (3) Đờn ca tài tử - Xoay quanh vấn đề âm nhạc; (4) Hệ thống các bài bản nhạc tài tử; (5) Khảo về nhạc cụ trong dàn nhạc tài tử; (6) Một số vấn đề về đờn ca tài tử. Ngoài ra còn có 3 Phụ lục, cung cấp nhiều tài liệu quý cần thiết để tham khảo thêm cho những vấn đề liên quan.

Thực hiện công trình giá trị này, Nguyễn Phúc An không chỉ nhờ tham khảo được rất nhiều tài liệu viết

bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau (Việt, Anh, Hán...) như đã liệt kê hết sức phong phú trong phần Tài liệu tham khảo, mà chính tác giả còn là người am hiểu và thực hành tốt về đờn ca tài tử, nhờ thế, như trong Lời tựa sách đã nhận xét: "Về mặt nội dung, tuy chưa thể khai thác hết nền nhạc cổ miền Nam, nhưng sách đã gói ghém gần như là đầy đủ hết những hiểu biết, những tình hoa trong mảnh đất màu mỡ của âm nhạc tài tử miền Nam (...), đã cho ta thấy được những kiến thức rất có giá trị và hữu ích về loại hình âm nhạc này mà mỗi nhạc sĩ, người nghiên cứu hay giới mộ điệu chúng ta không thể thiếu được" (tr. 10).

Sách in đẹp trên giấy trắng tốt, với nhiều hình ảnh minh họa. Cuối sách còn có một Index giúp người đọc tra cứu dễ dàng về tên nhân vật, tên nhạc cụ và một số thuật ngữ liên quan ca cổ nói chung và đờn ca tài tử nói riêng. ■

Trần Văn Chánh

trị thiêng liêng như thế.

Trên đây chúng tôi tạm phiên âm trước 10 bài thơ Nôm tiêu biểu thuộc bốn chủ đề khác nhau. Trong tập sách còn khá nhiều thơ và nhiều bài thuộc các thể loại khác được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, khi có điều kiện chúng tôi sẽ tiếp tục phiên dịch để giới thiệu cùng quý vị độc giả xa gần. ■

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Tư Giản (1823-1890): Trước tên là Văn Phú, tự Tuấn Thúc, người huyện Đông Ngạn, nay thuộc Bắc Ninh. Nhận thấy đây là một bài thơ hay, nên nhân tiện xin giới thiệu đến quý vị độc giả:

孝山上石崧崧，頑刻人工巧不窮。一柱高擎峯似傘，兩湖灣抱水如弓。道堂書永花迎日，尚口春深鳥弄風。如此北南無幾處，登臨健羨有人雄。 Hiếu Sơn sơn thượng thạch tung tung./ Ngoan khắc nhân công xảo bất cùng./ Nhất trụ cao kinh phong tự tán./ Lương hồ loan bảo thủy như cung./ Đạo đường trú vĩnh hoa nghinh nhật./ Động khẩu xuân thâm diều lông phong./ Như thử bắc nam vô kỉ xứ./ Đẳng lâm kiện tiện hữu nhân hùng. = Hiếu Sơn cao ngất thật lạ lùng./ Hơn thấy tay người, khéo vẽ song./ Một trụ chống cao, dù che đình./ Hai hồ ôm lấy, nỏ cong dòng./ Hoa nở đạo đường chào bạch nhật./ Chim về sơn động đón xuân phong./ Núi ấy bắc nam đâu mấy có./ Lên rồi ngưỡng mộ đấng anh hùng.

2. Về nội dung và nghệ thuật của tập sách này, chúng tôi đã giới thiệu khá kỹ trong bài "Một thư tịch Hán Nôm quý của cụ Đồ Tư Mậu ở Tiền Giang", đăng trên *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (123), tháng 5 năm 2014, tr.62-75.

3. Lăng Bạc: Tên một cái hồ ở miền Bắc, nơi Hai Bà Trưng từng giao chiến nhiều trận với Mã Viện. Có thuyết nói Lăng Bạc chính là Hồ Tây ngày nay, nằm về bờ nam sông Hồng; thuyết khác lại cho rằng đây là một cái hồ nằm trên miền Việt Bắc; - Hát Môn: xã thuộc huyện Phúc Thọ, Hà Nội, nơi đây có đền Hát Môn thờ Hai Bà Trưng.

4. Lệ Hải: Nói đủ là Lệ Hải Bà Vương (Vua Bà ở vùng biển xinh đẹp), tiếng gọi tôn xưng Bà Triệu.

5. Bén: Cũng có thể đọc là "mến".

6. Đông quân: Ông vua hướng đông, chỉ mặt trời, cũng chỉ chúa xuân, mùa xuân.

7. Khấu: Cưng ngựa.

8. Phần tử: Làng xóm, quê hương.

9. Vô ký: Vô ngựa ký. Ngựa ký là loài ngựa giỏi, ngày đi ngàn dặm.

10. Rồng châu hổ phục: Chỉ thế đất tốt, sản sinh người tài giỏi.

11. Tao khách: Tao nhân mặc khách, khách văn chương.

12. Kim quy: Rùa vàng.

13. Ngõ: Vốn chỉ giặc Ngõ thời Tam Quốc, sau mượn dùng chỉ quân giặc nói chung.